

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **538** /UBND-KGVX

Đắk Nông, ngày **28** tháng 01 năm 2021

V/v triển khai thực hiện Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Công an tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục (*gửi kèm*); Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo như sau:

1. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo, Công an tỉnh, UBND các huyện, thành phố, các sở, ngành đơn vị liên quan căn cứ quy định tại Nghị định nêu trên và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, địa phương, tổ chức triển khai thực hiện theo quy định. Đối với nội dung vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. UBND các huyện, thành phố phổ biến Nghị định nêu trên đến UBND cấp xã để thực hiện theo quy định.

Nhận được văn bản này, các đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện *nh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐT, KGVX_(vn).

2

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tôn Thị Ngọc Hạnh
Tôn Thị Ngọc Hạnh



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2021

NGHỊ ĐỊNH

Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây viết tắt là tổ chức, cá nhân) thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này trên lãnh thổ Việt Nam.

Tổ chức là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này, bao gồm:

a) Cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục thường xuyên; trường trung cấp và trường cao đẳng có đào tạo nhóm ngành giáo viên; cơ sở giáo dục đại học; viện hàn lâm và viện do Thủ tướng Chính



- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 38. Thẩm quyền xử phạt của Giám đốc Công an cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh

1. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
 - c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
 - d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
 - đ) Quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất;
 - e) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này, trừ biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm e khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến mức tối đa là 100.000.000 đồng;
 - c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
 - d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
 - đ) Quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất;
 - e) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này, trừ biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm e khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 39. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp:
 - a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: khoản 1 Điều 11; điểm a khoản 3 Điều 14; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 25; khoản 1 Điều 27; Điều 29; điểm a khoản 1 Điều 31 Nghị định này;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: các khoản 1 và 2 Điều 5; khoản 1 và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 6; các khoản 1, 2 và 3 Điều 7; các khoản 1, 2 và 3 Điều 8; các khoản 1 và 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 9; khoản 1, khoản 2, các điểm a, b, c khoản 3 và các điểm a, b khoản 4 Điều 10; Điều 11; Điều 12; khoản 1 và các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; khoản 1 Điều 19; khoản 1 Điều 20; các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; khoản 2 Điều 32; Điều 33; khoản 1 và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 34; các điểm a, b, c khoản 3 Điều 5; các khoản 3, 4 và các điểm a, b khoản 5 Điều 6 Nghị định này nếu người thực hiện hành vi vi phạm là công dân Việt Nam;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: các khoản 1 và 2 Điều 5; các khoản 1 và 2 Điều 6; Điều 7; các khoản 1, 2 và 3 Điều 8; Điều 9; Điều 10; các mục 3, 4, 5, 6, 7, 8 Chương II; khoản 3 Điều 5; các khoản 3, 4 và 5 Điều 6; khoản 4 Điều 8 Nghị định này nếu người thực hiện hành vi vi phạm là công dân Việt Nam.

2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra:

a) Chánh Thanh tra cơ quan chuyên môn về giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục cấp Sở xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: các khoản 1 và 2 Điều 5; khoản 1 và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 6; các khoản 1, 2 và 3 Điều 7; các khoản 1, 2 và 3 Điều 8; các khoản 1 và 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 9; khoản 1, khoản 2, các điểm a, b, c khoản 3 và các điểm a, b khoản 4 Điều 10; Điều 11; Điều 12; khoản 1 và các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; khoản 1 Điều 19; khoản 1 Điều 20; các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; khoản 2 Điều 32; Điều 33; khoản 1 và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 34; các điểm a, b, c khoản 3 Điều 5; các khoản 3, 4 và các điểm a, b khoản 5 Điều 6 Nghị định này nếu người thực hiện hành vi vi phạm là công dân Việt Nam;

b) Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục cấp Bộ xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: các khoản 1 và 2 Điều 5; các khoản 1 và 2 Điều 6; Điều 7; các khoản 1, 2 và 3 Điều 8; các khoản 1 và 2, các điểm a và b khoản 3, các điểm a và b khoản 4, khoản 5 Điều 9; các khoản 1, 2, 3 và các điểm a, b, c khoản 4 Điều 10; các mục 3, 4 Chương II; Điều 16; Điều 17; Điều 18; các khoản 1 và 2 Điều 19; các khoản 1 và 2 Điều 20; các mục 6, 7, 8 Chương II; các điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 5; các khoản 3, 4 và các điểm a, b, c khoản 5 Điều 6; khoản 4 Điều 8 Nghị định này nếu người thực hiện hành vi vi phạm là công dân Việt Nam;

c) Chánh Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: các khoản 1 và 2 Điều 5; các khoản 1 và 2 Điều 6; Điều 7; các khoản 1, 2 và 3 Điều 8; Điều 9; Điều 10; các mục 3, 4, 5, 6, 7, 8 Chương II và các hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 5; các khoản 3, 4 và 5 Điều 6; khoản 4 Điều 8 Nghị định này nếu người thực hiện hành vi vi phạm là công dân Việt Nam.

3. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Giám đốc Công an cấp tỉnh và Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh:

a) Giám đốc Công an cấp tỉnh xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 5; các khoản 3, 4 và các điểm a, b khoản 5 Điều 6 Nghị định này;

b) Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều 5; các khoản 3, 4 và 5 Điều 6; khoản 4 Điều 8 Nghị định này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng quy định của Nghị định số 138/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục để xử lý.

Trường hợp Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi đã xảy ra thì áp dụng các quy định của Nghị định này để xử lý.

2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính có khiếu nại thì áp dụng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 138/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục để giải quyết.

Điều 41. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 3 năm 2021 và thay thế Nghị định số 138/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

